TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ UÔNG BÍ** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **§éc lËp - Tù do - H¹nh phóc**

Bản án số: 08/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 02 - 2021
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông **Vi Thanh Hà**.
- *Các Hội thẩm Tòa án nhân dân:*
1. Bà **Phạm Thị Dung**.
2. Bà **Vũ Thị Xuyến**.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Phạm Văn Thắng** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Phương Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 02 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 306/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 11 năm 2020 về việc: *"Ly hôn"*, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 06/2021/QĐST – HNGĐ ngày 26 tháng 01 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh **Trần Văn A**, sinh năm 1968.
Nơi ĐKHKTT: tổ 11, khu 3, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở: tổ 17A, khu 5A, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị L**, sinh năm 1972.
Nơi ĐKHKTT: tổ 11, khu 3, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Chỗ ở: tổ 17A, khu 5A, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 03 tháng 11 năm 2020, bản tự khai ngày 15 tháng 12 năm 2020, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần Văn A trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn A và chị Nguyễn Thị Loa kết hôn ngày 25 tháng 4 năm 1992, có đăng kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã L, thị xã Q, tỉnh

Quảng Ninh, hai bên kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng sống ở tổ 11, khu 3, phường Q, thành phố U, đến năm 2011 thì chuyển đến ở tại tổ 17A, khu 5A, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh. Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc đến năm 1997 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hợp tính nhau, bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra xung khắc và không có tiến nói chung. Từ những nguyên nhân này vợ chồng thường xuyên cãi nhau khiến cuộc sống gia đình căng thẳng, nặng nề. Mâu thuẫn vợ chồng đã được gia đình khuyên can, nhắc nhở nhiều lần nhưng cả hai không khắc phục được mâu thuẫn. Vợ chồng đã sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau. Nay anh A thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với chị Nguyễn Thị L.

Về nuôi con chung: Anh A và chị L có 03 con chung, gồm: Trần Thị P, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1994 (cháu Ph mang họ chị L) và Trần Thị L, sinh năm 1997. Cả 03 con chung đã thành niên và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Trần Văn A không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí đã tống đạt hợp lệ văn bản Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Giấy triệu tập và Thông báo về mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho bị đơn chị Nguyễn Thị L. Tuy nhiên chị L đều vắng mặt không có lý do, đồng thời trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị Loan không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Toà án cũng đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân giữa anh Trần Văn A và chị Nguyễn Thị L, kết quả xác minh như sau:

Đại diện chính quyền khu 5A, phường Q cung cấp thông tin: Chính quyền khu không nắm được nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh A và chị L, chính quyền khu chỉ biết hiện nay anh A và chị L không còn sống cùng nhau, anh A đã chuyển đi ở nơi khác, rất ít khi về nhà.

Anh Trần Văn Đ là anh của anh Trần Văn A cung cấp thông tin: Cuộc sống hôn nhân của anh A và chị L có mâu thuẫn, bất đồng xảy ra, vợ chồng có cãi vã và xô xát nhau, nguyên nhân mâu thuẫn anh Đ không nắm được, ông Đ cũng đã khuyên giải vợ chồng nhưng cả hai người không khắc phục được mâu thuẫn. Hiện nay anh A đã thuê nhà bên ngoài ở và không sống cùng chị L nữa. Nay anh A có đơn xin ly hôn với chị L, ông Đ có quan điểm đây là việc riêng của anh A và chị L, do hai người tự quyết định.

Tại phiên toà:

Nguyên đơn anh Trần Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt nhưng thể hiện quan điểm giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị L, các con chung đã thành niên và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết, về tài sản chung anh A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt, không thể hiện quan điểm về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành chưa đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Xác định mâu thuẫn giữa anh Trần Văn A và chị Nguyễn Thị L đã trầm trọng nên chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của anh A, cho anh A được ly hôn với chị L; về con chung đã thành niên và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết; về tài sản chung anh A và chị L không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của các đương sự, đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp về ly hôn giữa anh Trần Văn A và chị Nguyễn Thị L đều có địa chỉ tại thành phố Uông Bí và nguyên đơn khởi kiện tại Tòa án thành phố Uông Bí là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn anh Trần Văn A có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn chị Nguyễn Thị L vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai không có lý do, căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung cần giải quyết của vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn A và chị Nguyễn Thị L kết hôn hợp pháp năm 2010. Căn cứ lời khai của nguyên đơn và kết quả xác minh tình trạng hôn nhân của các đương sự thấy lời khai của nguyên đơn là có cơ sở, hơn nữa trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập chị L đến làm việc nhiều lần và hoà giải, tham gia phiên tòa nhưng chị L đều vắng mặt không có lý do, qua đó cũng thể hiện chị Loan không thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, Như vậy, có cơ sở xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh A và chị L đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc và không thể tồn tại kéo dài nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh A đối với chị L là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Các đương sự có 03 con chung, gồm: Trần Thị P, sinh năm 1993; Nguyễn Thị Ph, sinh năm 1994 (cháu Ph mang họ chị L) và Trần Thị L, sinh năm 1997. Cả 03 con chung đã thành niên và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Nguyên đơn anh Trần Văn A không yêu cầu Toà án giải quyết, bị đơn chị Nguyễn Thị L không thể hiện quan điểm nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Trần Văn A phải nộp theo quy định.

[3] Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án.

Chấp nhận đơn khởi kiện ly hôn của anh Trần Văn A.

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn A được ly hôn chị Nguyễn Thị L.

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Văn A phải nộp 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) vào ngân sách Nhà nước (anh A được trừ án phí bằng tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000^{đ} theo biên lai thu 0003595 ngày 05 tháng 11 năm 2020 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh).

Nguyên đơn anh Trần Văn A, bị đơn chị Nguyễn Thị L được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục Thi hành án dân sự TP Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh;
- UBND xã L, Thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh (Nơi ĐKKH);
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án; VP./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Vi Thanh Hà